

## PHỤ LỤC 1

### MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẤU THẦU TÍN PHIẾU CỦA SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-NHNN ngày 27/06/2016 hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**SỞ GIAO DỊCH  
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: .....

Căn cứ vào thông báo phát hành tín phiếu của Kho bạc Nhà nước tại công văn số / / ngày / / , ngày / / Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức đấu thầu phát thành tín phiếu gồm:

Mã tín phiếu	Kỳ hạn (tuần)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu	Khối lượng phát hành		
					Khối lượng phát hành tại phiên đấu thầu tín phiếu	Khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu	Tổng khối lượng phát hành
(*)							

Căn cứ vào đăng ký đấu thầu phát hành tín phiếu của các thành viên đấu thầu, kết quả phát hành tín phiếu như sau:

STT	Thành viên đấu thầu	Chủ sở hữu tín phiếu	Số TK tại ngân hàng thanh toán	Khối lượng trúng thầu <sup>(**)</sup>	Lãi suất trúng thầu	Giá tiền thanh toán mua tín phiếu
..						
..						
..						

*Chú thích:*

(\*) Thông báo kết quả đấu thầu đối với mỗi mã tín phiếu tại mỗi đợt phát hành trái phiếu.

(\*\*) Khối lượng trúng thầu bao gồm cả khối lượng trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút sáng và khối lượng mua thêm ngay sau phiên đấu thầu

Sở Giao dịch Ngân hàng nhà nước cung cấp thông tin để quý đơn vị biết, phối hợp thực hiện lưu ký trái phiếu, và theo dõi quản lý tín phiếu./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên và đóng dấu)



## PHỤ LỤC 2

### XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT TRÚNG THẦU TÍN PHIẾU KHO BẠC KHI PHÁT HÀNH THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-NHNN ngày 27/06/2016 hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

#### 1. Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp KBNN công bố huy động 1.000 tỷ đồng tín phiếu kho bạc, khung lãi suất hợp lý do Bộ Tài chính quy định là 10,5%, và các mức lãi suất dự thầu của các Nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng cần thanh toán cho KBNN của từng Nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký (%/năm)	Khối lượng đăng ký (Tỷ đồng)	Khối lượng cộng dồn (Tỷ đồng)	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
1	A	5,15%	150	150	150	5,49%
2	A	5,20%	100	250	100	5,49%
3	A	5,25%	100	350	100	5,49%
4	B	5,35%	200	550	200	5,49%
5	D	5,35%	200	750	200	5,49%
6	D	5,40%	200	950	200	5,49%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	C	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	
12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
<b>Tổng</b>			<b>2.900</b>		<b>1.000</b>	

- Lãi suất trúng thầu bằng 5,49%/năm, là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định; (ii) Khối lượng tín phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng tín phiếu gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất thấp hơn 5,49%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các thành viên dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 5,49%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 5,49%/năm.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%/năm)
1	A	5,15%	150	150	150	5,15%
2	A	5,20%	100	250	100	5,20%
3	A	5,25%	100	350	100	5,25%
4	B	5,35%	200	550	200	5,35%
5	D	5,35%	200	750	200	5,35%
6	D	5,40%	200	950	200	5,40%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	C	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	
12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
<b>Tổng</b>			<b>2.900</b>		<b>1.000</b>	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên đầu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng tín phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng tín phiếu gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 5,15%/năm đến 5,49%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất là 5,49%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 5,312%, cụ thể như sau:

$$(150 \times 5,15\% + 100 \times 5,20\% + 100 \times 5,25\% + 200 \times 5,35\% + 50 \times 5,49\% + 200 \times 5,35\% + 200 \times 5,40\%) / 1.000 = 5,312\% \quad 2.$$

#### **Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất**

Trường hợp KBNN công bố huy động 1.000 tỷ đồng tín phiếu kho bạc, khung lãi suất hợp lý do Bộ Tài chính quy định là 5,50%, và các mức lãi suất dự thầu của các Nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng cần thanh toán cho KBNN của từng Nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký (%/năm)	Khối lượng đăng ký (Tỷ đồng)	Khối lượng dự thầu cộng dồn (Tỷ đồng)	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
<b>A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất</b>						
1	A		100	100	100	5,49%
2	B		100	200	100	5,49%
3	D		100	300	100	5,49%
<b>Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất</b>			<b>300</b>		<b>300</b>	
<b>B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất</b>						
1	A	5,20%	100	100	100	5,49%
2	A	5,30%	100	200	100	5,49%
3	B	5,35%	100	300	100	5,49%
4	D	5,45%	200	500	200	5,49%
5	C	5,47%	100	600	100	5,49%
6	B	5,49%	100	700	100	5,49%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	
9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	C	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
<b>Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất</b>			<b>2.250</b>		<b>700</b>	

- Khối lượng tín phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên đầu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định; (ii) Khối lượng tín phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng tín phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do đó lãi suất trúng thầu được xác định bằng 5,49%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 5,49%/năm. b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký (%/năm)	Khối lượng đăng ký (Tỷ đồng)	Khối lượng dự thầu cộng dồn (Tỷ đồng)	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
<b>A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất</b>						
1	A		100	100	100	5,38%
2	B		100	200	100	5,38%
3	D		100	300	100	5,38%

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký (%/năm)	Khối lượng đăng ký (Tỷ đồng)	Khối lượng dự thầu cộng dồn (Tỷ đồng)	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
<b>Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất</b>			<b>300</b>		<b>300</b>	
<b>B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất</b>						
1	A	5,20%	100	100	100	5,20%
2	A	5,25%	100	200	100	5,25%
3	B	5,35%	100	300	100	5,35%
4	D	5,45%	200	500	200	5,45%
5	B	5,50%	100	600	100	5,50%
6	C	5,50%	100	700	100	5,50%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	
9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	C	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
<b>Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất</b>			<b>2.250</b>		<b>700</b>	

- Khối lượng tín phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên đầu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng tín phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng tín phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định từ 5,20%/năm đến 5,50%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$(100 \times 5,20\% + 100 \times 5,25\% + 100 \times 5,35\% + 200 \times 5,45\% + 100 \times 5,50\% + 100 \times 5,50\%) / 1.000 = 5,386\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 5,386% này thấp hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định là 5,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không có cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 02 (hai) chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 5,38%/năm.

### PHỤ LỤC 3

## MẪU HỢP ĐỒNG BÁN TÍN PHIẾU KHO BẠC TRỰC TIẾP CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-NHNN ngày 27/06/2016 hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

### CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG BÁN TÍN PHIẾU KHO BẠC TRỰC TIẾP CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: ... /HĐ

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số ...../2016/TTLT-BTC-NHNN ngày ....../...../2016 của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại ...

Chúng tôi gồm:

#### **I. Bộ Tài chính:**

- Tên tổ chức phát hành: Bộ Tài chính

- Địa chỉ: .....

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

#### **II. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước)**

- Tên tổ chức mua tín phiếu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Địa chỉ: .....

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng mua bán tín phiếu kho bạc với các nội dung sau đây:

**Điều 1.** Các điều khoản, điều kiện của tín phiếu kho bạc:

1. Mã tín phiếu:

2. Khối lượng tín phiếu:

3. Lãi suất tín phiếu:

4. Kỳ hạn tín phiếu:

5. Giá bán tín phiếu:

6. Ngày phát hành tín phiếu:

7. Ngày thanh toán tiền mua tín phiếu:

8. Ngày đáo hạn tín phiếu:

9. Thông tin về tài khoản nhận tiền mua tín phiếu:

10. Thông tin về việc đăng ký, lưu ký niêm yết tín phiếu:

**Điều 2.** Ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh toán tiền mua tín phiếu theo quy định của Điều 14 Thông tư liên tịch số ...../2016/TTLT-BTC-NHNN ngày ..../..../2016.

**Điều 3.** Tín phiếu kho bạc bán trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước được đăng ký, lưu ký theo quy định của Thông tư liên tịch số ...../2016/TTLT-BTC-NHNN ngày ..../..../2016.

**Điều 4.** Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước:

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chuyển tiền mua tín phiếu theo quy định của Hợp đồng vào tài khoản nhận tiền mua tín phiếu đầy đủ và đúng thời hạn.

**Điều 5.** Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính có trách nhiệm thanh toán tín phiếu đến hạn đầy đủ và đúng thời hạn.

**Điều 6.** Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**BỘ TÀI CHÍNH**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)